

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 06-06-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 148/2024/QĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Tô Văn Ch, sinh năm: 1977 (xin vắng); Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã Tân Hưng Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị Th, sinh năm: 1984 (vắng mặt); ông Đ, bà Th cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tô Văn Ch trình bày yêu cầu:

Vào tháng 3 năm 2020, ông Ch có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Tô Thị Th mượn 17.500.000 đồng, đôi bên thỏa thuận miệng, thời hạn trả 03

năm, vì bà Th là em ruột, ông Đ là em rể. Đến hạn trả ông Ch đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ hứa hẹn mà không trả tiền, nay yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà Th liên đới trả cho ông số tiền nợ mượn 17.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Th: Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vắng mặt, không có ý kiến khác.

Ý kiến kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, buộc ông Đ và bà Th liên đới thanh toán cho ông Ch 17.500.000 đồng; án phí ông Đ và bà Th chịu, ông Ch có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người liên quan hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có liên quan bà Tô Thị Th.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Ông Tô Văn Ch khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu thanh toán tiền cho mượn, đây là hợp đồng vay không lãi. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ông Ch khởi kiện cho rằng ông Đ mượn tiền, hứa sau 03 năm sẽ trả lại, nhưng hết thời hạn thỏa thuận phía ông Đ không hoàn trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Ch ông làm đơn khởi kiện nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Xét yêu cầu đòi 17.500.000 đồng của ông Ch, Thấy rằng:

- Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và người liên quan, sau khi nhận thông báo người bị kiện là ông Đ và người liên quan là bà Th đã nhận văn bản của Tòa án mà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Tại biên bản hòa giải thành của tổ hòa giải ấp Chông Mỹ, xã Hàm Rồng ông Đ và bà Th thừa nhận có nợ ông Ch 17.500.000 đồng (bút lục số 2, 3).

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định việc ông Đ còn nợ tiền ông Ch là có thật, nên buộc ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Ch 17.500.000 đồng.

Đối với bà Th vợ ông Đ, mặc dù ông Ch không khởi kiện nhưng hồ sơ thể hiện số tiền nợ ông Ch là nợ chung của vợ chồng ông Đ và bà Th, được bà Th thừa nhận khi hòa giải ở ấp. Do đó, buộc bà Th liên đới cùng ông Đ thanh toán cho ông Ch toàn bộ số tiền 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp.

Ông Đ, bà Th chậm trả chịu lãi suất chậm thi hành án.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Ông Đ, bà Th phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 17.500.000 đồng x 5% = 875.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được hoàn lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu thanh toán tiền còn nợ.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Tô Thị Th liên đới thanh toán cho ông Ch số tiền còn nợ 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- **Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 875.000 đồng vợ chồng ông Đ, bà Th phải chịu.

Ông Ch không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 438.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013857 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính